

## NI YẾT-MA

### QUYỂN HẠ

(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

#### THIÊN THỨ MƯỜI BỐN: CAN NGĂN

##### ***Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni thuận theo Tỳ-kheo bị nêu tội:***

Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà bị chúng tăng nêu tội đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Tỳ-kheo Xiển-đà không thuận theo, không sám hối. Tăng chưa làm pháp cho ở chung. Lúc ấy, có Tỳ-kheo-ni tên là Uy Thứ tới lui cung phụng cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Phật dạy: Chư tăng nên bạch bốn lần yết-ma can ngăn Tỳ-kheo ni Uy Thứ. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Tỳ-kheo này bị tăng nêu tội, đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Nhưng Tỳ-kheo không thuận theo, không sám hối. Tăng chưa làm pháp cho ở chung, cô chớ thuận theo, nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội thuận theo theo lời nói trên thì tốt, nếu không thuận theo nên nói: Tôi sẽ tác bạch với tăng.

Bạch rồi lại nói: Mọi người nên biết, tôi đã bạch rồi. Nhưng tăng chưa yết-ma, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội thuận theo lời nói thì tốt, nếu không thuận theo thì nên nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ nhất”.

Làm yết-ma lần thứ nhất rồi, nên nói” Mọi người! Chúng tôi đã làm yết-ma lần thứ nhất cho cô rồi, còn hai lần yết-ma, cô nên bỏ việc đó, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng”.

Tỳ-kheo-ni phạm tội nghe lời thì tốt, nếu không thuận theo thì nên nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ hai”.

Làm yết-ma lần thứ hai rồi, nên nói” mọi người biết không? Chúng tôi đã làm yết-ma lần thứ hai rồi, còn một lần yết-ma nữa, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng”.

Tỳ-kheo-ni phạm tội nghe lời thì tốt, nếu không thuận theo thì nên

nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ ba”.

Tăng làm yết-ma lần thứ ba xong, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Nếu yết-ma lần thứ hai xong, Tỳ-kheo ni bỏ việc đó, phạm ba tội Thâu-lan-già. Nếu yết-ma lần thứ nhất xong, Tỳ-kheo ni bỏ việc đó, phạm hai tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch xong, Tỳ-kheo-ni bỏ việc đó, phạm một tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch chưa xong, Tỳ-kheo-ni bỏ việc đó, phạm đột-cát-la. Nếu khi chưa bạch Tỳ-kheo-ni thuận theo Tỳ-kheo bị nêu tội, tất cả phạm đột-cát-la. Pháp yết-ma đầy đủ như trong luật đã nêu rõ.

***Pháp can ngăn phá tăng:***

Nếu Tỳ-kheo phương tiện muốn phá hòa hợp tăng, nhận cách phá tăng, giữ chặt không bỏ. Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo nầy rằng:

- Đại tỳ chớ dùng phương tiện phá hòa hợp tăng, chớ nhận cách phá hòa hợp tăng, giữ chặt không bỏ. Đại tỳ nên hòa hợp với tăng, vui vẻ, không tranh cãi như sữa hòa với nước. Trong Phật pháp mới tăng thêm sự an vui mà ở. Đại tỳ nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng. Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe thì tốt, không nghe thì lại khiến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; hoặc vua, đại thần, người ở các đạo khác như: Sa-môn, Bà-la-môn yêu cầu họ can ngăn, hoặc Tỳ-kheo-ni ở phương khác biết người đó nghe lời nói của mình thì nên đến can ngăn. Người đó nghe thì tốt, không nghe thì nên tác bạch, tác bạch rồi, nên can ngăn nữa.

- Nầy Đại tỳ, tôi đã tác bạch rồi, chỉ còn yết-ma. Nay cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu người đó nghe lời thì tốt, không nghe thì nên làm yết-ma lần thứ nhất. (Làm yết-ma lần thứ nhất rồi, thì nên can ngăn).

- Nầy Đại tỳ, chúng tôi đã bạch yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai lần yết-ma, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu người đó nghe lời thì tốt, không nghe thì nên làm yết-ma lần thứ hai.

(làm yết-ma lần thứ hai rồi, thì nên can ngăn).

- Nầy Đại tỳ, chúng tôi đã bạch yết-ma lần thứ hai rồi, còn một lần yết-ma nữa, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì cho bạch yết-ma lần thứ ba.

Yết-ma lần ba xong, Tỳ-kheo-ni đó phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu yết-ma lần hai xong, mà xả phạm ba Thâu-lan-già. Nếu yết-ma

lần thứ nhất xong, mà xả phạm hai Thâu-lan-già. Tác bạch xong, mà xả phạm một tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch lần thứ nhất chưa xong, mà xả thì Tỳ-kheo-ni phạm đột-cát-la. Nếu trước chưa bạch, phương tiện muốn phá hòa hợp tăng, nhận cách phá hòa hợp tăng giữ chặt không bỏ, tất cả phạm đột-cát-la. Pháp yết-ma đầy đủ như trong luật nói.

***Pháp can ngăn người giúp phá tăng:***

Lúc chúng Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni kia, lại có bè đảng Tỳ-kheo-ni phi pháp, chúng nhiều, một, hai, ba người nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: “Đại tỳ, cô chớ can ngăn Tỳ-kheo-ni này, vì Tỳ-kheo-ni này là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Những lời Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều chấp nhận”. Các Tỳ-kheo-ni nên nói: “Cô chớ nói rằng Tỳ-kheo-ni này là người nói đúng pháp, nói đúng luật, những lời Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều chấp nhận”. Nhưng Tỳ-kheo-ni này chẳng phải Tỳ-kheo ni nói đúng pháp, nói đúng luật. Các cô chớ phá hòa hợp tăng. Đại tỳ phải hòa hợp với tăng, vui vẻ không tranh chấp, v.v.... như trước. (Pháp yết-ma cũng như luật đã nói).

***Pháp can ngăn người bị tấn xuất hủy báng tăng:***

Có Tỳ-kheo-ni làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, mọi người đều biết tăng làm yết-ma tấn xuất, Tỳ-kheo-ni phạm tội hủy báng tăng rằng: “Các Tỳ-kheo-ni có thương, giận, sợ, si, có người đồng tội như tôi, sao người đuổi, người không đuổi”? Các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: “Đại tỳ làm nhơ nhà người, ai cũng thấy ai cũng nghe; gây ra việc xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Đại tỳ làm nhơ nhà người, gây ra việc xấu, nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng”.

Nếu người đó nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì cho bạch yết-ma đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

***Pháp can ngăn người có tánh xấu không nghe lời can ngăn:***

Nếu Tỳ-kheo-ni có tánh xấu không chịu nghe lời can ngăn, các Tỳ-kheo-ni dùng giới luật, dạy dỗ đúng như pháp, nhưng họ không nghe, lại nói với các Tỳ-kheo:

- Các Đại tỳ, chớ nói với tôi việc tốt việc xấu, tôi cũng không nói với các Đại tỳ việc tốt việc xấu, các Đại tỳ hãy thôi đi, đừng nên can ngăn tôi. Tỳ-kheo ni kia nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Này Đại tỳ, chớ tự mình không nghe lời can ngăn, mà phải nghe

theo lời can ngăn. Đại tử đúng như pháp can ngăn các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni cũng nên như đúng pháp can ngăn Đại tử. Như thế chúng đệ tử Phật mới tăng thêm sự lợi ích. Đệ tử Phật nên dạy bảo nhau, can ngăn nhau, sám hối nhau. Đại tử nên bỏ việc này, chớ để tăng quả trách mà phạm tội nặng.

Nếu người kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe nên làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

***Pháp can ngăn các Tỳ-kheo-ni ở chung gây ra việc xấu:***

Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo-ni là: Tô-ma và Bà-phả-di ở chung với nhau, làm việc xấu, tiếng như đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni khác nên nói rằng: “Các chị chớ ở chung, gây ra việc xấu, tiếng như đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Các chị chớ ở chung, gây ra việc xấu, tiếng như đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui”. Nếu hai Tỳ-kheo-ni kia không sửa đổi. Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quả trách, khiến họ bỏ việc này. Nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn hai Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Các chị chớ ở chung, làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Nếu các chị không ở chung, làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui. Các chị nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma can ngăn mà phạm tội nặng.

Nếu họ nghe lời thì tốt, bằng không nghe nên làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

***Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni xúi giục các Tỳ-kheo-ni ở chung làm hạnh ác:***

Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo-ni ở chung bị tăng quả trách rồi, nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị dạy họ rằng: “Các chị cứ ở chung. Vì sao? Vì tôi thấy các Tỳ-kheo-ni ở chung với nhau làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Chúng tăng vì giận chị, nên bắt chị ở riêng”. Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quả trách, cho nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị, nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Các Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Đại tử, cô chớ xúi giục các Tỳ-kheo-ni khác rằng: “Các chị chớ ở riêng, mà hãy ở chung vì tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác làm việc

ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Tăng vì giận chị, nên bắt chị ở riêng”. Nay thật có Tỳ-kheo-ni này, không có Tỳ-kheo-ni nào khác. Họ ở chung làm việc ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Nếu hai Tỳ-kheo-ni này ở riêng, thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui. Cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên làm yết-ma quở trách cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

***Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni tức giận bỏ Phật, Pháp, Tăng:***

Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị vì một chuyện nhỏ tức giận liền nói: “Tôi Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không chỉ có sa-môn Thích tử tu phạm hạnh mà còn có các Bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi sẽ đến đó tu phạm hạnh”. Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quở trách, khiến họ bỏ việc này. Bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Đại tỷ, cô chớ vì một chuyện tức giận nhỏ, mà nói rằng: “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không chỉ có Sa-môn Thích tử tu phạm hạnh mà còn có các Bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi sẽ đến đó tu phạm hạnh”. Cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên làm yết-ma quở trách cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

***Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni sinh ra bốn việc hủy báng tăng:***

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni tên Hắc, ưa thích tranh cãi lại không khéo ghi nhớ việc tranh cãi, sau đó vì tức giận liền nói: “Tăng có thương, giận, sợ, si”. Phật dạy: Cho phép tăng can ngăn Tỳ-kheo-ni Hắc để cô ấy bỏ việc này. Bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Đại tỷ, cô (556) chớ ưa thích tranh cãi, không khéo ghi nhớ việc tranh cãi, sau đó vì tức giận mà nói rằng: “Tăng có thương, giận, sợ, si”. Nhưng tăng không có thương, giận, sợ, si, chỉ có cô mới thương, giận, sợ, si mà thôi. Nay cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên can

ngăn cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật có nói.

***Pháp can ngăn người ác kiến nói dâm dục không phải là pháp chướng đạo:***

Nếu có Tỳ-kheo-ni nói rằng: “Tôi biết pháp Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo. Các Tỳ-kheo-ni chân chánh nên can ngăn Tỳ-kheo-ni đó rằng:

- Cô chớ nói như vậy, đừng hủy báng Đức Thế tôn, hủy báng Đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy, Đức Thế tôn dùng nhiều phương tiện nói hành dâm dục là pháp chướng đạo. Nay cô nên bỏ việc ấy, chớ để tăng quả trách mà phạm tội nặng.

Nếu người ấy nghe lời thì tốt, không nghe thì làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trước. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói. Pháp can ngăn Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni nói dâm dục chẳng phải pháp chướng đạo, cũng giống như vậy.

***Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ:***

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ni gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ ở chung với nhau, làm việc không tùy thuận. Có Tỳ-kheo-ni can ngăn rằng: “Cô chớ gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ mà làm việc không tùy thuận. Cô nên ở riêng, nếu cô ở riêng thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui”. Nhưng cô ấy không chịu ở riêng, Phật dạy: Cho phép tăng làm pháp quả trách cho Tỳ-kheo-ni kia, khiến cô bỏ việc này. Nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni ấy rằng:

- Đại tỷ, cô chớ làm việc không nên làm, những việc cô làm là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy.

Nhưng Tỳ-kheo-ni này không theo các Tỳ-kheo ni chân chánh khuyên can đúng pháp liền trở thành phạm giới. Nếu Tỳ-kheo-ni này tự biết việc mình làm là đúng, lời can ngăn là sai, nên cố làm phạm tội căn bản. Nếu Tỳ-kheo-ni đó không nghe theo phạm đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni này biết việc mình làm là sai, lời can ngăn là đúng mà cố làm thì phạm tội căn bản. Nếu Tỳ-kheo-ni đó không nghe theo thì phạm ba-dật-đề. Nếu người vô trí không biết pháp can ngăn, nên nói với người kia rằng: Cô nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê của cô để học hỏi tụng kinh, biết pháp can ngăn, rồi hãy can ngăn.

Pháp can ngăn này, là vì ngăn dứt mà làm, không giống với tăng can ngăn tùy theo việc mà lập riêng.

## THIÊN THỨ MƯỜI LĂM: DIỆT TRÁNH

### ***Pháp cho Tỳ-ni hiện tiền:***

Nếu có Tỳ-kheo-ni không có mặt, các Tỳ-kheo-ni làm pháp yết-ma. Phật dạy: Người phạm tội không có mặt thì không được làm pháp yết-ma.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo ni kiết Tỳ-ni hiện tiền diệt tránh. Nên nói Tỳ-ni hiện tiền như vậy.

Nhưng hiện tiền có năm: pháp, Tỳ-ni, nhân, tăng, và giới.

1. Pháp hiện tiền: pháp xử trị diệt tránh.
2. Tỳ-ni hiện tiền: Tỳ-ni xử trị diệt tránh.
3. Nhân hiện tiền: Nói nghĩa qua lại.
4. Tăng hiện tiền: Đồng yết-ma hòa hợp một chỗ, người không đến gọi dục người hiện tiền, người có tư cách ngăn không ngăn được.
5. Giới hiện tiền: Ở trong giới yết-ma làm chế hạn.

### ***Pháp cho Tỳ-ni ức niệm:***

Nếu có Tỳ-kheo-ni thật không phạm tội nặng Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-già. Các Tỳ-kheo-ni khác đều nói phạm tội nặng, hỏi rằng: “Cô nhớ mình phạm tội nặng hay không?” Tỳ-kheo-ni kia không nhớ phạm, đáp: “Tôi không nhớ phạm tội như thế”, liền nói với các Tỳ-kheo-ni: “Đại tỷ chớ nhiều lần vặn hỏi tôi”. Các Tỳ-kheo-ni vặn hỏi không dứt.

Phật dạy: Cho phép tăng vì họ, tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni ức niệm, giống như vặn xin làm yết-ma.

Từ này về sau, cho pháp các Tỳ-kheo ni kiết Tỳ-ni ức niệm xử trị, nên nói Tỳ-ni ức niệm như vậy.

Tỳ-ni ức niệm: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên nêu lên, không nên làm ức niệm.

### ***Pháp cho Tỳ-ni bất si:***

Có Tỳ-kheo ni cuồng si tâm loạn, phạm nhiều tội lỗi, chẳng phải pháp sa-môn; nói năng không chừng đoi; đến đi, ra vào trái với uy nghi. Sau đó Tỳ-kheo ni kia tâm trở lại bình thường, các Tỳ-kheo-ni nói: “Cô phạm tội nặng Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa”, hỏi Tỳ-kheo-ni kia rằng: “Cô có nhớ mình phạm tội nặng không?” Tỳ-kheo-ni kia đáp: “Trước đây tôi cuồng si tâm loạn, phạm nhiều tội lỗi. Chẳng phải tôi muốn làm như vậy, chỉ tại cuồng si mà thôi. Các Đại tỷ không cần vặn hỏi nhiều



lần”. Nhưng các Tỳ-kheo-ni cố vạy hỏi không ngừng. Phật dạy: Cho phép tăng tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni bất si, tác pháp xin như vầy.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo-ni kiết Tỳ-ni bất si diệt tránh, nên nói Tỳ-ni bất si như vậy.

Tỳ-ni bất si: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên nêu, không nên làm ức niệm.

***Pháp cho Tỳ-ni Tự ngôn trị:***

Tỳ-kheo-ni dùng mắt trời thanh tịnh thấy Tỳ-kheo-ni phạm giới; không giữ kín, lại tự nói tội ra ngoài. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vào lúc khác cũng không nên như vậy. Tỳ-kheo-ni phải làm cho người kia nhận tội, sau mới cho tội; chẳng nên người không nhận tội mà cho tội.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết Tỳ-ni tự ngôn trị diệt tránh, nên nói Tỳ-ni Tự ngôn trị như vậy.

Trong đây, người có mặt nhận sám hối là sám hối.

Tự ngôn: Tự nói tên tội, chủng loại tội, sám hối.

Trị: Tự trách tâm cô, sinh nhàm chán xa lìa.

***Pháp tỳ-ni cho nhiều người nói:***

Việc tranh cãi của các Tỳ-kheo-ni hiện tiền không thể dập tắt được, nên yêu cầu nhiều Tỳ-kheo-ni biết pháp thực hành xá-la để dứt trừ. Vì nhiều thể xá-la là biểu thị cho nhiều lời nói.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh dùng lời nói của nhiều người, nên nói dùng lời nói của nhiều người như vậy.

Nhiều người nói: là dùng nhiều người nói trì pháp, trì tỳ-ni, trì Ma-di.

***Pháp cho Tỳ-ni tội xứ sở:***

Các Tỳ-kheo-ni phạm tội, trước sau trái nhau. Phật dạy: Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma tội nơi chốn cho Tỳ-kheo-ni kia. Nên như thế cho nhóm họp tăng, tăng nhóm họp rồi vì người kia nêu tội, nêu tội rồi cho làm ức niệm, làm ức niệm rồi thì cho tội. Làm pháp như vầy, tác pháp rồi thuận theo ba mươi lăm việc.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh tội nơi chốn, nên nói kết tội nơi chốn như vậy.

Tội nơi chốn: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia, nên cho nêu lên, làm ức niệm.



**Pháp cho Tỳ-ni cỏ phủ đất:**

Các Tỳ-kheo nghĩ rằng: chúng ta phạm nhiều các giới, chẳng phải pháp Sa-môn, vừa làm vừa nói, ra vào bất định. Nếu chúng ta lại tự cùng nhau khéo hỏi việc này, hoặc sẽ khiến cho việc tranh cãi càng nặng nề hơn. Trải qua nhiều năm tháng Tỳ-kheo-ni không đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy dứt trừ sự tranh cãi, khiến tăng không được yên vui. Phật dạy: “Nên dứt trừ việc tranh cãi này như cỏ phủ đất”.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh như cỏ phủ đất, nên nói như cỏ phủ đất như vậy.

Cỏ phủ đất: Là ở đây lại không nói tên tội, chủng loại tội, sám hối.

Tranh cãi có bốn thứ: Ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh.

1. Ngôn tránh: Các Tỳ-kheo-ni tránh cãi, dẫn đến mười tám việc tranh cãi: pháp phi pháp cho đến thuyết bất thuyết, hoặc lấy tướng như vậy cũng tranh cãi, thành hai bên đấu tranh.

2. Mịch tránh: Các Tỳ-kheo-ni tìm tội nhau, dùng ba việc nêu tội: phá giới, phá kiến, phá oai nghi; Thấy, nghe, nghi; làm tướng như vậy để tìm tội, cùng nói không nói dối, cầu thế lực của bạn an ủi ý mình; hoặc nêu làm ức niệm, hoặc việc này an, việc này bất an, bất si bất thoát.

3. Phạm tránh: Phạm bảy thứ tội từ Ba-la-di đến ác thuyết.

4. Sự tránh: Việc làm trong ngôn tránh, việc làm trong mịch tránh, việc làm trong phạm tránh.

Nêu thuốc đối tránh, văn luật có nói rõ.

## THIÊN THỨ MƯỜI SÁU: TẬP HẠNH

**Pháp kiết giới nhà thuyết giới:**

Luật nói: Các Tỳ-kheo-ni không biết thuyết giới ở chỗ nào. Phật dạy: Cho phép làm nhà thuyết giới, nên đề cử một vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ oai nghi xứng nhà lớn, nhà có lầu, nhà kinh hành; hoặc ở bên sông, hoặc dưới cây, hoặc bên tảng đá, chỗ cỏ tươi, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới, (tác bạch như vậy).

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới. Đại tỳ nào bằng lòng, tăng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

***Pháp giải nhà thuyết giới:***

Các Tỳ-kheo-ni xây nhà thuyết giới rồi, lại muốn xây nhà thuyết giới ở chỗ khác. Cho phép giải nhà thuyết giới trước, sau đó bạch hai lần yết-ma kiết lại. Nên bạch giải như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

***Pháp kiết nhà kho:***

Nếu để vật ở chỗ không chắc chắn, Phật cho phép lấy một phòng riêng kiết làm nhà kho. Nên bạch hai lần yết-ma để thực hành. Nên nêu một Tỳ-kheo-ni ở trong tăng đầy đủ oai nghi xương phòng, hoặc nhà sưởi, hoặc nhà lều, hoặc chỗ kinh hành làm nhà kho. Xướng rồi, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng kiết phòng ấy làm nhà kho rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Nếu nhà kho không chắc chắn thì cho phép sai người giữ nhà kho. Người đó phải đầy đủ phước đức như trên. Nếu họ không chịu thì cho phước nhiều hơn, và cho cháo. Nếu họ vẫn không chịu, thì tất cả y thực nên chia cho họ hai phần, nếu họ vẫn không chịu nên đúng như pháp mà trị.

***Pháp giải nhà kho:***

Văn lược không có văn giải, nên nếu muốn giải thì nói ngược lại với văn kiết.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin

tăng chấp thuận, (557) tăng giải nhà kho phòng ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nay tăng giải nhà kho phòng ấy. Đại tỳ nào bằng lòng, cho tăng giải nhà kho phòng ấy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà kho phòng ấy rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

***Pháp cho không có chủ làm phòng cho mình:***

Tỳ-kheo-ni xem xét chỗ không có nạn, không hại rồi, đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni..... xin làm phòng không có chủ tự mình làm. Nay tôi đến trước tăng xin làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại (nói ba lần). Tăng nên quan sát Tỳ-kheo-ni này có đáng tin không. Nếu thấy người đó đáng tin thì tăng nên cho phép làm. Nếu thấy người đó không đáng tin, thì tất cả tăng thì nên đến chỗ kia xem. Nếu tăng không đi, nên sai người đáng tin trong tăng đến xem. Nếu chỗ kia có nạn, có hại thì tăng không nên cho làm. Nếu chỗ kia không có nạn mà có hại, hoặc có nạn mà có không hại thì tăng không nên cho làm ở đó. Nếu chỗ không nạn và không hại, thì tăng nên cho làm ở đó. Nên tác bạch như vậy để cho:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình, đến tăng xin làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo-ni..... làm ở chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình, đến tăng xin chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni..... làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Đại tỳ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni..... làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni..... làm chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Văn làm phòng có chủ cũng giống như vậy, chỉ nêu khác là có chủ).

***Pháp cho kiết giới không mất y:***

Tỳ-kheo-ni bị bệnh gầy ốm có Tăng-già-lê phần tảo rất nặng, Tỳ-kheo-ni có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang y đi được. Phật cũng cho phép tăng bạch hai lần yết-ma kiết giới không mất y cho Tỳ-kheo-ni bệnh này. Người đó nên đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni..... bị bệnh ốm gầy, chiếc y tăng-già-lê phần tảo này rất nặng, có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, nay tôi đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y (nói ba lần). Tăng cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... bị bệnh ốm gầy, có chiếc y Tăng-già-lê rất nặng, lại có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo-ni..... này kiết giới không mất y, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... bị bệnh ốm gầy, có chiếc y Tăng-già-lê phần tảo rất nặng, lại có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni..... pháp kiết giới không mất y. Đại tỳ nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni..... pháp kiết giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni..... pháp kiết giới không mất y rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

***Pháp cho làm đồ nằm mới:***

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni bị bệnh ốm gầy, có đồ nằm phần tảo rất nặng. Nhưng đồ nằm chưa đủ sáu năm, không thể mang theo được. Phật cũng cho phép tăng tác bạch hai lần yết-ma cho Tỳ-kheo-ni làm đồ nằm mới. Tỳ-kheo ni đó đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni..... bị bệnh ốm gầy, có chút việc đi trong nhân gian, nhưng đồ nằm phần tảo quá nặng, không thể mang theo được. Nay tôi đến trước tăng xin yết-ma làm đồ nằm mới (nói ba lần), tăng cho như sau:

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... này bị bệnh ốm gầy, muốn đi trong nhân gian, lại có đồ nằm phần tảo quá nặng, nay đến trước tăng xin yết-ma cho làm đồ nằm mới, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni..... này yết-ma làm đồ nằm mới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... này bị bệnh ốm

gậy, có đồ nằm phần tảo quá nặng, lại muốn đi trong nhân gian. Nay đến trước tăng xin yết-ma làm đồ nằm mới. Đại tử nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni..... này yết-ma làm đồ nằm mới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni..... yết-ma làm lại đồ nằm mới, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

***Pháp cho chứa túi dây và gậy:***

Có Tỳ-kheo-ni già yếu cần túi đựng bát, cần gậy để đi. Phật dạy: Cho phép tăng bạch hai lần yết-ma, cho Tỳ-kheo-ni già yếu kia làm túi và gậy. Tỳ-kheo-ni kia đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tử tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni..... già bệnh, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay tôi đến trước tăng xin cất chứa túi và gậy. Tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni..... chứa gậy và túi, xin thương xót tôi (nói ba lần), tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại tử tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay đến tăng xin chứa gậy và túi. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo-ni..... chứa gậy và túi, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tử tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni..... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay đến trước tăng xin chứa gậy và túi, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni..... này chứa gậy và túi. Đại tử nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni..... chứa gậy và túi thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni..... chứa gậy và túi rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

***Pháp sáu niệm:***

Theo luật Tăng-kỳ chép:

Niệm thứ nhất: Đó là biết số ngày, tính tháng đủ, thiếu, có trăng, không trăng, gọi là: Tháng này đủ (tháng thiếu gọi là thiếu). Ngày mồng một tháng có trăng cho đến ngày mười lăm tháng không trăng (tháng không trăng thì nên nói). Ngày mồng một tháng không trăng cho đến ngày mười bốn, mười lăm tháng không trăng.

Phương Tây vốn đặt ra tháng có tháng có trăng, tháng không trăng. Tháng có trăng hoàn toàn là tháng đủ. Tháng không trăng có tháng đủ, tháng thiếu. Ở Trung qmột tháng có ba mươi ngày. Cho nên biết chắc

rằng tháng đủ, thiếu là do phương này lập ra. Nói về tháng, thì nói riêng một, hai tháng không trăng, tháng có trăng v.v... lại thuận theo ngày tháng do phương Tây đặt ra.

Niệm thứ hai: Đó là biết chỗ của thức ăn, chỗ của thức ăn bất định, tùy theo chỗ thức ăn đó mà nói là hoặc ăn thức ăn thường của tăng, hoặc thức ăn thường khát thực, hoặc nhận lời thỉnh của người khác, hoặc thức ăn của mình, v.v... vì chưa xác định thức ăn nên nói: “Ngày nay nghĩ rằng không trái với thức ăn được thỉnh”.

Niệm thứ ba: Đó là biết ngày, tháng, năm lúc thọ giới nói rằng: Tôi vào ngày..... tháng..... năm....., cây cao một thước bóng bao nhiêu..... thọ giới cụ túc, không có hạ (nếu có hạ tùy theo số hạ mà nói).

Niệm thứ tư: Đó là biết y bát có không, đủ hay thiếu. Nếu y bát thiếu, thì tùy theo có mà nói rằng: Y và bát đầy đủ. Trường hợp không đủ nói rằng: Y và bát không đủ, nghĩ lúc ấy đủ. Nếu tất cả đầy đủ nên nói: Năm y và bát đầy đủ. Trường hợp y dư, thuốc bát nghĩ biết đã tịnh thí hay chưa tịnh thí. Nếu chưa tịnh thí thì nói rằng: Có y dư, thuốc, và bình bát chưa tác tịnh, nghĩ rằng sẽ thuyết tịnh. Nếu không có thì nên nói: Không có y dư, thuốc và bát.

Niệm thứ năm: Đó là biết ăn đồng chúng, ăn riêng chúng; khuyến tăng ăn đồng chúng, nói rằng: Không nên ăn riêng chúng.

Niệm thứ sáu: Đó là biết bệnh, hay không bệnh. Bị bệnh nói rằng: Nay tôi bị bệnh, nghĩ sẽ trị lành. Không bệnh thì nói rằng: Nay tôi không bệnh, nương theo chúng hành đạo.

### ***Pháp xả thỉnh:***

Nếu Tỳ-kheo-ni không bị bệnh và trong một ngày thí y, có nhiều người thỉnh. Tỳ-kheo-ni đó nên nhận lời thỉnh của một người, còn các người khác chuyển nhường cho các Tỳ-kheo-ni khác, nói như sau:

- Thưa Đại tỷ, nhà ấy thỉnh tôi cúng dường năm thứ thức ăn chính. Tôi phải đến chỗ kia, nay tôi xin cúng dường Ngài.

Nếu không từ chối người thỉnh trước, mà nhận thức ăn người thỉnh sau thì mỗi miếng ăn phạm một tội ba-đạt-đề. Nếu không từ chối người thỉnh sau, nhận thức ăn của người thỉnh trước, nếu ăn mỗi miếng phạm một tội đột-cát-la.

### ***Làm pháp thức ăn dư:***

Thức ăn có hai loại: 1- Thức ăn chính; 2- Thức ăn phụ. Thức ăn phụ là: thức ăn bằng củ, cọng, v.v... Thức ăn phụ này, ăn không no. Thức

ăn chính là: cơm, cốm, cơm khô, cá và thịt; hoặc cháo mới múc ra khỏi nồi, dùng cọng cỏ vể lên, không dính lại, đó là thức ăn chính không được ăn. Trong năm thứ thức ăn chính, nếu ăn một thức ăn chính nào no rồi, xả oai nghi, không làm pháp thực ăn dư mà ăn, thì mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu muốn ăn, Tỳ-kheo-ni nên đem thức ăn đến chỗ một Tỳ-kheo-ni ăn chưa no, nói như vậy:

- Thưa Đại tỳ! Tôi ăn no rồi! Đại tỳ biết đó, xem đó. Thức ăn này xin làm pháp thực ăn dư.

Tỳ-kheo-ni kia nên lấy một chút thức ăn, rồi nói với Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Đại tỳ, tôi đã ăn rồi, cô nên lấy mà dùng.

Tỳ-kheo ni đó nên đáp: Vâng!

Làm pháp này rồi, Tỳ-kheo-ni đó được tùy ý mà ăn.

***Pháp ăn riêng chúng thưa ra vào:***

Chúng riêng: Hoặc bốn người, hoặc hơn bốn người, hoặc hai, ba người ăn thì tùy ý thực. Bốn người hoặc hơn bốn người, chia làm hai bộ thay phiên nhau ăn. Nếu Tỳ-kheo-ni có việc ăn riêng chúng, muốn vào ăn nên đứng dậy thưa rằng: “Tôi có nhân duyên..... được ăn riêng chúng, muốn vào ăn”.

Phật dạy: “Nên cho phép thứ lớp tùy theo vị Thượng tọa vào ăn riêng chúng”. Duyên: Lúc bệnh, lúc may mang y, bố thí y, đi trên đường, đi thuyền, chúng đông nhóm họp, Sa-môn thí thực.

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn riêng chúng, mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu có nhân duyên, mà không nói, thì Tỳ-kheo-ni phạm đột-cát-la.

***Pháp trước bữa ăn, sau bữa ăn đến nhà người có dận Tỳ-kheo-ni khác:***

Tỳ-kheo-ni được nhiều thí chủ thỉnh, không dám vào thành. Phật dạy: Cho phép các Tỳ-kheo-ni dận nhau để vào thành.

Nên dận như sau:

- Bạch Đại tỳ nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo-ni..... đã nhận lời thỉnh của nhà ấy. Nay có nhân duyên..... vào xóm ..... đến nhà....., Bạch cho Đại tỳ biết như vậy!

Lúc bệnh, lúc may y, lúc thí y, thì khai cho không cần dận Tỳ-kheo-ni khác. Nếu dận rồi, Tỳ-kheo-ni muốn đến chỗ đó, nhưng nửa đường trở lại, hoặc không đến chỗ đã dận, lại đến nhà khác, cho đến



nhà kho, phòng cạnh xóm làng và chùa của Tỳ-kheo, hoặc đến chỗ đã dặn, vào nhà người tại gia rồi trở ra v.v... tất cả đều mất lời dặn trước. Nếu muốn đến, Tỳ-kheo-ni nên dặn lại.

***Pháp phi thời vào xóm làng có dặn Tỳ-kheo-ni khác:***

Nếu có việc tăng, việc tháp, việc Tỳ-kheo-ni săn sóc bệnh thì cho phép Tỳ-kheo-ni dặn Tỳ-kheo-ni khác rồi vào xóm, nên dặn như sau:

- Bạch Đại tỳ nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo-ni..... phi thời vào xóm, đến nhà..... vì duyên..... Bạch cho Đại tỳ biết như vậy.

Nếu đường đi phải qua xóm, hoặc có thừa bạch, hoặc nói thọ thỉnh, hoặc bị thế lực lôi kéo, ép buộc, v.v... thì không phạm.

## THIÊN THỨ MƯỜI BẢY: KÍNH TU

Pháp tôn kính vâng tu này xuất xứ trong Đại tăng, ni có chỗ khác nhau. Đây đủ như trong bản luật.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy lắng nghe, khéo léo ghi nhớ. Nếu Tỳ-kheo nói văn cú tương tự ngăn pháp tỳ-ni, Tỳ-kheo này làm cho nhiều người không được lợi ích, gây ra các nghiệp khổ, phá diệt Chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo thuận theo văn cú, không trái pháp tỳ-ni, Tỳ-kheo này làm lợi ích cho nhiều người, không gây ra các nghiệp khổ, nhờ đó Chánh pháp tồn tại lâu dài. Vì thế Tỳ-kheo, các thầy phải thuận theo văn cú, chớ để thêm bớt trái với pháp tỳ-ni, nên học như vậy. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Như lai xuất hiện ở đời vì thấy chúng sinh gây nhiều tội lỗi, dùng mười cú nghĩa kiết giới cho các Thanh văn. Vì nghĩa thứ nhất là được chúng tăng nhiếp thủ này, Như lai kiết giới cho các Thanh văn. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười là Chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi câu cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Như lai xuất hiện ở đời, dùng mười cú nghĩa, vì các Tỳ-kheo đặt ra yết-ma-quở trách, được chúng tăng nhiếp thủ: Đó là nghĩa thứ nhất. Như lai ra đời, đặt ra yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười Chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi câu cũng giống như vậy.

Như thế, yết-ma tấn xuất, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia, yết-ma không thấy tội đã nêu, yết-ma không sám

hối tội đã nêu, yết-ma ác kiến không bỏ, xem xét lại các luật đã chế: Chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử, chế ức niệm, chế cầu thỉnh, chế tự ngôn, chế ngăn A-nâu-bà-đà, chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế đơn bạch yết-ma, chế bạch hai lần yết-ma, chế bạch bốn lần yết-ma, chế cho che giấu, cho bản nhật tri, cho Ma-na-đỏa, cho xả tội, chế bốn pháp Ba-la-di, chế mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thức-xoa-ca-la-ni, bảy pháp diệt tránh. Mỗi câu như yết-ma-quở trách.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai kiến chấp, người xuất gia không nên có: Phi pháp chấp là pháp, pháp chấp là phi pháp. Lại có hai kiến chấp: Tỳ-ni nói phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Lại có hai kiến chấp: Không phạm chấp là phạm, phạm chấp là không phạm. Lại có hai kiến chấp: Nhẹ lại chấp nặng, nặng lại chấp nhẹ. Lại có hai kiến chấp: Hữu dư chấp là vô dư, vô dư chấp là hữu dư. Lại có hai kiến chấp: Thô ác chấp là không thô ác, không thô ác chấp là thô ác. Lại có hai kiến chấp: Pháp cũ chấp không phải pháp cũ, không phải pháp cũ chấp là pháp cũ. Lại có hai kiến chấp: Chế chấp chẳng phải chế, chẳng phải chế chấp là chế. Lại có hai kiến chấp: Nói chấp không nói, không nói chấp là nói. Lại có hai kiến chấp: Rượu chấp chẳng phải rượu, chẳng phải rượu chấp là rượu. Lại có hai kiến chấp: Ăn chấp là không ăn, không ăn chấp là ăn. Lại có hai kiến chấp: Uống chấp chẳng uống, chẳng uống chấp là uống. Lại có hai kiến chấp: Thời chấp là phi thời, phi thời chấp là thời. Lại có hai kiến chấp: Tịnh chấp bất tịnh, bất tịnh chấp là tịnh. Lại có hai kiến chấp: Trọng chấp không trọng, không trọng chấp là trọng. Lại có hai kiến chấp: Nạn chấp chẳng phải nạn, chẳng phải nạn chấp là nạn. Lại có hai kiến chấp: Không có trùng chấp không trùng, có trùng chấp có trùng. Lại có hai kiến chấp: Phá chấp không phá, không phá chấp là phá. Lại có hai kiến chấp: Loại chấp chẳng phải loại, chẳng phải loại chấp là loại. Lại có hai kiến chấp: Đã hiểu nghĩa chấp chưa hiểu nghĩa, chưa hiểu nghĩa chấp hiểu nghĩa. Lại có hai kiến chấp: Đáng thân chấp không thân, không thân chấp đáng thân. Lại có hai kiến chấp: Sợ chấp không sợ, không sợ chấp là sợ. Lại có hai kiến chấp: Đạo chấp phi đạo, phi đạo chấp là đạo. Lại có hai kiến chấp: Đáng làm chấp không làm, không làm chấp là đáng làm. Lại có hai kiến chấp: Xuất ly chấp không xuất ly, không xuất ly chấp là xuất ly. Lại có hai kiến chấp: Ba-la-di chấp chẳng phải Ba-la-di, không phải Ba-la-di chấp là Ba-la-di. Lại có

hai kiến chấp: Chấp thế gian là thường, chấp thế gian là vô thường. Lại có hai kiến chấp: Chấp thế giới có giới hạn, chấp thế giới không giới hạn. Lại có hai kiến chấp: Thân này mạng này, thân khác mạng khác. Lại có hai kiến chấp: Như lai diệt độ, Như lai không diệt độ. Lại có hai kiến chấp: Có không có Như lai diệt độ, chẳng phải có không có Như lai diệt độ. Ở trong Phật pháp có hai kiến chấp như thế, người xuất gia không nên chấp theo. Nếu người nào chấp theo thì đúng như pháp mà trị. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai hạng người sống không an vui: người hay tức giận, người luôn thù oán. Lại có hai pháp: Nóng nảy, khó bỏ. Lại có hai pháp: Keo kiệt, ganh ghét. Lại có hai pháp: Lừa dối, quanh co. Lại có hai pháp: Tự cao, ưa tranh cãi. Lại có hai pháp: Thích trang sức, buông lung. Lại có hai pháp: Mạn, mà tăng thượng mạn. Lại có hai pháp: Tham lam, tức giận. Lại có hai pháp: Khen mình, chê người. Lại có hai pháp: Tà kiến, biên kiến. Lại có hai pháp: Khó dạy, không chịu nghe lời chỉ bảo. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Người phá giới đọa vào hai đường: Địa ngục, và súc sinh. Người giữ giới sinh vào hai đường: Cõi trời, và cõi người. Người gây ra nghiệp ác không ai biết đọa vào hai đường: Địa ngục, súc sinh, người làm lành không ai biết được sinh lên hai đường: Trời và người.

Phật và các thánh đệ tử tôn quý nhất trong người, trời; Có hai pháp không được giải thoát: Phạm giới, và không thấy phạm giới. Có hai pháp tự mình được giải thoát là: Không phạm giới, và thấy phạm giới. Có hai pháp không được giải thoát: Phạm mà không thấy tội, thấy phạm mà không đúng như pháp sám hối. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy phạm tội, phạm mà biết sám hối đúng như pháp. Có hai pháp không được giải thoát: Thấy tội không sám hối, hoặc cho sám hối đúng như pháp mà người đó không chịu. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy tội đúng như pháp sám hối, hoặc cho sám hối đúng như pháp thì người kia chịu theo như pháp. Ràng buộc, không ràng buộc cũng giống như vậy. Có hai hạng người thanh tịnh: là hạng người không phạm tội, và hạng người phạm tội mà biết sám hối. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai chúng: Chúng nói pháp, và chúng nói phi pháp. (559)

Ở trong chúng không thực hành pháp tỳ-ni, không thực hành lời

Phật dạy mà nói, nên người nghe theo lời dạy, và người không nghe lời dạy sống chung với nhau, người dứt bỏ kiết sử, và người không dứt bỏ kiết sử ở chung. Đó là chúng nói phi pháp.

Ở trong chúng thực hành pháp tỳ-ni, nói theo lời Phật dạy, nên mọi người nghe lời Phật dạy ở chung, mọi người dứt bỏ kiết sử ở chung. Đó là chúng nói pháp.

Trong hai chúng này, chúng nói pháp được ta khen ngợi và tôn trọng. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có hai chúng: Chúng đúng pháp, và chúng phi pháp.

Chúng phi pháp: Trong chúng người phi pháp có thể lực, người đúng pháp không có thể lực. Người phi pháp có bạn, người đúng pháp không có bạn. Làm yết-ma thì phi pháp, không làm yết-ma thì đúng pháp. Làm yết-ma thì không đúng với Tỳ-ni, không làm yết-ma thì đúng với Tỳ-ni. Pháp sai thì hành trì, pháp đúng thì không hành trì.

Chúng đúng pháp: Trong chúng người đúng pháp có thể lực, người phi pháp không có thể lực. Người đúng pháp có bạn, người phi pháp không có bạn. Làm yết-ma thì đúng pháp, không làm yết-ma là phi pháp. Làm yết-ma là Tỳ-ni, không làm yết-ma là phi Tỳ-ni. Pháp đúng thì hành trì, pháp sai thì dứt trừ.

Trong hai chúng này, chúng đúng pháp được ta khen ngợi tôn trọng. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Có hai chúng: Chúng bình đẳng, và chúng không bình đẳng cũng giống như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua thế lực yếu thì chúng giặc sẽ mạnh. Lúc ấy, Pháp Vương không được ra vào một cách an vui. Vua nhỏ của nước láng giềng không nghe theo mệnh lệnh. Người dân trong nước ra vào cũng không an vui; sự nghiệp phé bỏ, lo buồn khổ não, mọi việc đều tổn giảm, không được lợi ích. Cũng thế, Tỳ-kheo phi pháp có thể lực, Tỳ-kheo đúng pháp không có thể lực. Tỳ-kheo đúng pháp không được an vui, hoặc ở trong chúng cũng không được nói; hoặc ở chỗ vắng vẻ. Lúc đó làm yết-ma là phi pháp, không làm yết-ma là đúng pháp; làm yết-ma là phi tỳ-ni, không làm yết-ma là Tỳ-ni; phi pháp thì thực hành, đúng pháp thì không thực hành. Người kia không siêng năng tinh tấn, chưa đắc nói đắc, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng khiến cho các vị trời, người dân không được lợi ích, chịu khổ lâu dài. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua có thể lực mạnh thì chúng giặc suy yếu, tất cả đều quy phục hoặc chạy trốn. Lúc ấy,

Pháp Vương ra vào an vui, không còn lo buồn. Vua nhỏ của nước láng giềng vâng theo mệnh lệnh. Người dân trong nước cũng được an vui; sự nghiệp như ý không có các lo buồn, khổ não; thường được lợi ích không có tổn hoại. Cũng thế, Tỳ-kheo đúng pháp có thể lực, Tỳ-kheo phi pháp không có thể lực, Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ Tỳ-kheo đúng pháp thuận theo lời chỉ dạy không dám trái nghịch, hoặc sẽ trốn đi không gây ra các nghiệp ác. Lúc này, Tỳ-kheo đúng pháp được yên ổn an vui, hoặc ở trong tăng được nói, hoặc ở chỗ vắng vẻ. Làm yết-ma đúng pháp, không làm yết-ma phi pháp. Làm yết-ma Tỳ-ni, không làm yết-ma phi Tỳ-ni. Đúng pháp thì thực hành, phi pháp không thực hành. Người đó siêng năng tinh tấn, chưa đắc sẽ đắc, chưa nhập sẽ nhập, chưa chứng sẽ chứng, sẽ làm cho các vị trời, người dân được lợi ích lớn. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Các Trưởng lão! Nếu có việc tranh cãi nên nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo kia có tội. Họ không tự quán sát mình, nên biết việc tranh cãi này sẽ thêm lớn, không dứt trừ đúng pháp, như Tỳ-ni. Vì thế, các Tỳ-kheo không an lạc. Nếu Tỳ-kheo tranh cãi nhau nên nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội. Mỗi người tự quán sát lỗi mình, nên biết việc tranh cãi này không phát triển nặng hơn; sẽ dứt trừ đúng pháp, đúng với Tỳ-ni. Vì thế các Tỳ-kheo sống an vui. Vì sao các Tỳ-kheo phải tự quán sát lỗi mình? Tỳ-kheo có tội nghĩ rằng: “Ta phạm việc như vậy, người kia mới thấy ta phạm sai trái. Vì ta phạm nên người kia thấy ta phạm. Nay ta nên tự sám hối, khiến người kia không có lời thô ác quả trách ta. Nếu ta làm như vậy, pháp lành sẽ thêm lớn”. Đó là nêu Tỳ-kheo khác quán sát lỗi mình.

Nếu Tỳ-kheo có việc tranh cãi, nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội sẽ tự quán sát lỗi mình như vậy; nên biết lỗi này không thêm lớn, sẽ dứt trừ đúng pháp, đúng như Tỳ-ni, đúng như lời Phật dạy. Các Tỳ-kheo sống an vui. Ngài Xá-lợi-phất nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, có rất nhiều vị Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp chủ yếu, nói về Học. Vậy thế nào là Học?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Học về giới nên nói là Học, thế nào là học giới? Đó là tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên nói học. Lúc người kia tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, sẽ điều phục được tham dục, tức giận, ngu si, khiến chúng không còn sinh khởi. Tham

đục, tức giận, ngu si kia được nhỏ sạch tận gốc; không gây ra các nghiệp ác, không găn gũ người ác, cho nên nói học. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy học thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp căn bản, là pháp chủ yếu. Như những lời Thế tôn dạy, chúng con thọ trì nên nói học. Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học”. Người học Ba học này, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn học ba học này.

Bấy giờ, ngài A-nan ở Kê Viên, thành Ba-la-lợi-tử. Lúc ấy, có Bà-la-môn Khổng Tước Quan đến chỗ ngài A-nan thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch ngài A-nan rằng:

- Thưa Tôn giả! Sa-môn Cù-đàm, vì sao đặt ra tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học cho các tỳkheo?

Ngài A-nan đáp:

- Sở dĩ Đức Thế tôn chế ra như vậy, là để điều phục tham dục, tức giận, ngu si.

- Nếu Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán lậu tận, vị ấy còn học điều gì không?

- Tham dục, tức giận, ngu si đã hết, không còn gây ra nghiệp ác, không găn gũ các người ác, việc cần làm đã làm xong, gọi là Vô học.

- Như lời ông nói là vô học sao?

- Đúng vậy!

Bà-la-môn Khổng Tước Quan nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-diếp:

- Nếu Thượng tọa không học giới, cũng không khen ngợi giới; dù cho có Tỳ-kheo khác thích học giới, khen ngợi giới thì cũng không khuyến khích khen ngợi.

Nầy Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta không khen ngợi Thượng tọa như thế. Vì sao? Vì nếu ta khen ngợi thì các Tỳ-kheo sẽ găn gũ. Người găn gũ sẽ học theo pháp đó. Nếu học theo pháp đó thì sẽ chịu khổ lâu dài. Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta thấy lỗi của Thượng tọa như thế, cho nên không khen ngợi.

(560) (Nếu Trung tọa, Hạ tọa cũng như vậy. Kế là có Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa như pháp, ngược lại các câu trên).

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Thí như có con lừa và đàn bò cùng đi, lừa tự nói: “Ta cũng là bò! Ta cũng là bò!” nhưng lông lừa không

giống chân bò, không giống tiếng bò; cũng không giống bò nhưng đi chung với bò, tự nói mình là bò. Cũng giống như vậy, có người ngu si theo Tỳ-kheo đúng pháp, tự nói mình là Tỳ-kheo. Người ngu này không có tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ. Nếu Tỳ-kheo chân chánh cùng đi chung với tăng, tự nói: “Tôi là Tỳ-kheo”. Cho nên các thầy phải siêng năng tu tập, tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, và tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; không tôn trọng định, không lấy định làm căn bản; Không trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo kia đối với giới này, nếu phạm nhẹ thì sám hối. Vì sao? Vì trong giới đó chẳng phải như phá đồ vật, phá đá gạch. Nếu Tỳ-kheo tôn trọng giới, luôn giữ gìn vững chắc, khéo trụ vào giới; nên có hạnh gần gũi, không có hạnh hủy phá, không có hạnh nhiễm ô. Thường tu tập như vậy, Tỳ-kheo dứt được năm kiết sử hạ phần, đạt đến niết-bàn, không trở lại cõi này.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; không tôn trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản như trên.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; tôn trọng tuệ, lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo đó các lậu đã hết; được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đối với hiện tại tự biết chứng đắc, ta đã hết sinh tử, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại cõi này. Người thực hành đầy đủ sẽ thành tựu trọn vẹn; người thực hành thiếu sót thì thành tựu không hoàn toàn, ta nói giới này không có tổn giảm. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, thiếu hành định hạnh, thiếu hành tuệ hạnh. Tỳ-kheo đó dứt trừ năm kiết sử hạ phần, đạt đến Niết-bàn, không còn trở lại cõi này. Nếu không được như vậy, thì sẽ làm nhẹ Ba kiết: tham dục, tức giận, ngu si; đắc quả Tư-đà-hàm, trở lại nhân gian một lần nữa, dứt trừ tận nguồn gốc khổ. Nếu không được như vậy, sẽ dứt được ba kiết, đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường ác, quyết chí giữ đạo, bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh xuống loài người, nhổ hết nguồn gốc khổ. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định hạnh, thiếu tuệ hạnh cũng giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ



giới hạnh, đầy đủ định hạnh, đầy đủ tuệ hạnh cũng giống như trên.

Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo giữ gìn trọn vẹn Ba-la-đề-mộc-xoa giới, thành tựu oai nghi, cẩn thận các giới nhẹ, quý trọng như kim cương v.v... tu học các giới, ấy là Tăng giới học.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo xả bỏ những tham muốn xấu xa, cho đến được nhập vào thiền thứ tư. Đó là Tăng tâm học.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo biết khổ đế như thật, biết tập đế, diệt đế, đạo đế như thật. Đó là Tăng tuệ học.

Bấy giờ, Phật ngự ở trong đại thành nước Bà-xà. Ngài bảo các Tỳ-kheo: Ta nói bốn thứ nói rộng, các thầy hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Chúng con rất muốn nghe. Bốn loại nói rộng là gì?

Tỳ-kheo nói như vậy: “Thưa các Trưởng lão, con ở thôn..... thành..... đích thân nghe lời Phật, thọ trì. Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy”. Nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên sinh chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách. Các Tỳ-kheo nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu Tu-đa-la (kinh), Tỳ-ni (luật), xem xét pháp luật. Nếu lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật, thấy không tương ứng với kinh, luật, pháp luật thì nên nói: Những lời ông nói chẳng phải lời Phật nói; Hoặc nói: “Trưởng lão không hiểu được lời Phật”. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ứng với kinh, luật, pháp luật, trái với pháp. Trưởng lão không nên tụng tập, cũng đừng dạy các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều đó đi. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ứng với kinh, luật, pháp luật. Nên nói với Tỳ-kheo kia: Trưởng lão! Những lời đó đúng là lời Phật nói, xác định đúng là lời của Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ứng không trái, Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, dạy các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất. Đây là nói rộng thứ nhất.

Kế là, nếu Tỳ-kheo nói như vậy: Thưa Trưởng lão! Tôi ở thôn..... thành..... trước đây nghe Thượng tọa ở trong tăng hòa hợp nói: “Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy”. Lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách; nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, lúc các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ứng với pháp, nên nói Tỳ-kheo kia: “Trưởng lão! Đây chẳng phải

lời Phật nói. Mà do chúng tăng và Thượng tọa không xác định rõ lời Phật. Trưởng lão cũng vậy. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ứng, trái với pháp. Trưởng lão không nên tụng tập, cũng chớ dạy các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều ấy đi”. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ứng với pháp, nên nói với Tỳ-kheo kia: “Trưởng lão! Đây là lời Phật dạy, chúng tăng, Thượng tọa và Trưởng lão cũng đã xác định đúng là lời Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ứng với pháp. Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, cũng nên chỉ dạy các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất”. Đây là nói rộng thứ hai.

Về nói rộng thứ ba, nghe từ rất nhiều Tỳ-kheo biết pháp, biết tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy. Về nói rộng thứ tư, nghe từ một Tỳ-kheo biết pháp, tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy.

Đây là bốn nói rộng, Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Tỳ-ni có năm việc đáp: Thứ lớp, chế, trùng chế, Tu-đa-la và thuận theo. Tu-đa-la. Người có năm pháp gọi là người trì luật: Biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, đọc thuộc giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni).

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên, Pháp thứ năm là: thuộc lòng Tỳ-ni.

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên, Pháp thứ năm là an trụ tỳ-ni bất động.

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên. Pháp thứ năm là: Việc tranh cãi khởi lên, hoàn toàn có khả năng trừ diệt.

Có năm hạng người trì luật:

1. Thuộc giới từ bài tựa, bốn Ba-la-di, mười ba tăng tàn, hai pháp bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.
2. Thuộc lòng thêm chín mươi ba-dật-đề.
3. Thuộc lòng giới và Tỳ-ni.
4. Thuộc lòng giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và tỳ-ni).
5. Thuộc lòng tất cả giới luật.

Trong năm hạng người trì luật này, vào mùa Xuân, Thu, Đông Tỳ-kheo nên nương bốn hạng người trì luật ở trước. Nếu không nương để ở, thì Tỳ-kheo phạm đột-cát-la. Hạ an cư, Tỳ-kheo nên nương hạng trì luật thứ năm. Nếu không nương để ở, thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề.

Người trì luật có năm công đức: Giới phẩm vững chắc, hoàn toàn thảng được các kẻ thù, ở trong chúng giải quyết mọi việc không sợ hãi;

nếu có nghi ngờ hối hận, có khả năng giải thích được, khéo trì luật khấn cho Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Lại có năm thứ phạm là: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, và Đột-cát-la. Cũng gọi là năm thứ chế giới, năm nhóm phạm. Nếu người không biết, không thấy năm thứ phạm, Ta nói (561) người này ngu si, (Ba-la-di cho đến đột-cát-la).

Lại nữa, người chết có năm điều xấu: Dơ bẩn, hôi thối, có sợ hãi, khiến người sợ hãi, ác quỷ có dịp làm hại, là chỗ ở của thú dữ và phi nhân. Người phạm giới có năm lỗi: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, như thấy chết dơ bẩn hôi thối kia, ta nói người này cũng giống như vậy. Hoặc người thân, miệng, ý không thanh tịnh, tiếng xấu đồn xa, như mùi hôi thối từ thân chết xông ra. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, các Tỳ-kheo thanh tịnh sợ hãi tránh xa, như thấy chết kia làm cho người sợ hãi. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, khiến các Tỳ-kheo thanh tịnh thấy sinh tâm ác nói: “Vì sao ta lại gặp người ác này?”, như người thấy thân chết sinh tâm sợ hãi, làm cho ác quỷ có dịp làm hại. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, ở chung với người ác, như chỗ thân chết kia thì thú dữ, phi nhân cũng ở. Ta nói người này cũng giống như vậy. Đó là năm lỗi của người phạm giới như thân chết kia.

Người phá giới có năm lỗi: Tự hại mình, bị người trí quả trách, tiếng xấu đồn xa, lúc qua đời sinh hối hận, chết đọa vào đường ác.

Người giữ giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Lại có năm việc: Trước chưa được vật thì không thể được; đã được rồi không giữ được; hoặc tùy theo các chúng: Sát-lợi, Bà-la-môn, hoặc chúng cư sĩ, chúng Tỳ-kheo, đối với các chúng đó có hổ thẹn; trong vô số do-tuần, Sa-môn, Bà-la-môn nói điều xấu ác của người đó; người ác phá giới chết đọa vào đường ác.

Người giữ giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Có năm cách tác tịnh quả trái: Hỏa tịnh, đao tịnh, sang tịnh, điểu tịnh, và bất nhậm chủng tịnh. Lại có năm cách tác tịnh: Bóc một ít vỏ, bóc hết vỏ, chín rục, làm hoại, bị hư.

Có năm pháp làm cho Chánh pháp mau diệt tận:

1. Có Tỳ-kheo không nghe rõ, đọc tụng hay quen sát lẫn lộn, văn không đầy đủ; lại lấy đó dạy người khác. Văn đã không đầy đủ thì nghĩa sẽ thiếu sót.

2. Có Tỳ-kheo là Thượng tọa, là bậc cao quý trong tăng, như người

chủ của một nước, mà phần nhiều không giữ giới, chỉ tu các pháp ác, buông bỏ giới hạnh, không siêng năng tinh tấn, chưa được nói được, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng; Làm cho các Tỳ-kheo hậu sinh nhỏ tuổi học tập theo hạnh đó, phần nhiều họ cũng phá giới, làm các việc ác, xả bỏ giới hạnh, không siêng năng tinh tấn, chưa được nói được, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng.

3. Có Tỳ-kheo học rộng, trì pháp, trì luật, trì Ma-di; lại không đem điều đọc tụng đó dạy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người đó qua đời, khiến cho Chánh pháp dứt mất.

4. Có Tỳ-kheo rất khó dạy dỗ, họ không nghe theo những lời hay, không thể nhẫn nhục, nên bị các Tỳ-kheo thanh tịnh khác lia bỏ.

5. Có Tỳ-kheo ưa thích tranh đấu, mắng nhiếc nhau; người này nói với người kia bằng những lời độc ác, tranh nhau hơn thua.

Lại có năm pháp giúp cho Chánh pháp tồn tại lâu dài (ngược lại năm điều trên).

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác đến chỗ Phật, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Vì nhân duyên gì Chánh pháp mau diệt tận?

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo đối với pháp luật xuất gia, không có tâm nói pháp cho người, cũng không có tâm nghe pháp, ghi nhớ; Dù có gìn giữ bền chắc thì cũng không thể suy nghĩ nghĩa lý. Người kia không biết nghĩa, không thể tu hành như lời Phật dạy, không thể lợi mình, cũng không lợi người.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Vì nhân duyên đó làm cho Chánh pháp mau diệt tận.

- Bạch Đức Thế tôn! Lại vì nhân duyên gì giúp cho Chánh pháp tồn tại lâu dài? (Ngược lại điều trên).

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo vào trong tăng, trước phải có năm pháp: Phải có tâm từ; có tính khiêm nhường như khăn lau bụi; phải khéo biết ngồi, đứng; nếu thấy Thượng tọa phải đứng dậy; nếu thấy Hạ tọa không cần đứng dậy. Người kia vào trong tăng, không nói nhiều, luận bàn việc thế gian; hoặc tự nói pháp; hoặc có người thỉnh nói pháp, hoặc thấy trong tăng có việc khó giải quyết, tâm không chấp thuận thì nên im lặng. Vì sao? Vì sợ những điều mình nói sẽ khác với tăng. Tỳ-kheo trước nên có năm pháp này, sau đó mới vào trong tăng.

Bấy giờ, Đức Phật ngự bên ao Già-già, trong thành Chiêm-bà.

Vào ngày mười lăm tháng có trăng thuyết giới, Ngài ngồi ở ngoài trời, các Tỳ-kheo vây quanh Phật. Lúc ấy, có Tỳ-kheo nêu tội thấy, nghe, nghi của Tỳ-kheo kia. Lúc đang nêu tội, Tỳ-kheo kia dùng lời khác lạ trả lời, rồi nổi lên tức giận. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy nên xét định, rồi hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp không làm được gì, không thể làm cho pháp lành thêm lớn. Thí như ruộng lúa non của người nông phu có cỏ đề, cỏ kê mọc nhiều. Nhưng lá lúa non giống các loài cỏ, nên không phân biệt được. Do đó cỏ này làm hại đến lúa non, cho đến lúc lúa trở đồng đồng, người nông phu mới biết các thứ cỏ đó chẳng phải là lúa. Khi biết chẳng phải lúa, họ liền nhổ tận gốc các loại cỏ đó. Vì sao? Vì sợ làm hại đến những cây lúa tốt. Tỳ-kheo cũng giống như vậy, có Tỳ-kheo tội ác đến, đi, ngồi, đứng, nhiếp giữ y, bát; giống như Tỳ-kheo chân chánh không phân biệt được, cho đến không xả tội. Lúc xả tội, mới biết người ấy là người thấp hèn trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết sự khác nhau rồi, chúng tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tận người đó. Vì sao? Vì sợ hại đến các Tỳ-kheo chân chánh, thí như nông phu sảy lúa, lúc gió thổi đến, những hạt chắc rơi xuống, còn những hạt lép theo gió bay đi. Vì sao? Vì người nông phu sợ nó làm dơ bẩn những hạt chắc. Cũng như thế, Tỳ-kheo tội ác đến đi, ra vào giống như Tỳ-kheo chân chánh, không phân biệt được, cho đến không xả tội. Khi xả tội mới biết đó là những thứ dơ bẩn xấu xa trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết rồi thì nên hòa hợp làm yết-ma diệt tận để đuổi người đó. Thí như có người cần gỗ để làm hàng rào xung quanh giếng. Người đó cầm búa bèn ra khỏi thành, đến khu rừng kia, gõ búa vào thân cây, nếu cây nào chắc thì nghe tiếng chắc, cây nào rỗng thì nghe tiếng rỗng. Nhưng gốc, thân, cành, lá của cây rỗng rất giống với cây chắc. Cho đến lúc gõ vào, người kia mới biết cây đó bên trong rỗng. Khi biết cây đó bên trong rỗng, liền chặt bỏ, tĩa bỏ cành lá, tước bỏ phần thô, sau đó vót nhỏ, làm cho trơn láng, để làm hàng rào xung quanh giếng. Cũng thế, Tỳ-kheo tội ác đến đi, ra vào nhiếp giữ y bát, oai nghi như Tỳ-kheo chân chánh, cho đến không xả tội. Khi xả tội, mới biết đó là hạng xấu xa trong hàng Sa-môn. Nếu biết rồi, tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tận. Vì sao? Vì sợ làm hại đến các Tỳ-kheo chân chánh.

Đức Phật nói kệ:

Sống chung biết tánh hạnh,  
Ghen ghét hay tức giận.  
Có người nói điều lành,  
Chỗ vắng làm phi pháp.

Tím cách nói dối người,  
Bị người trí biết được.  
Nên nhỏ bỏ cỏ xấu,  
Và cây rỗng ruột kia.  
Tự xưng là Sa-môn,  
Dối trá nên diệt tận.  
Đã cho diệt tận rồi,  
Làm điều ác phi pháp.  
Người thanh tịnh ở chung,  
Nên biết sẽ rạn vỡ.  
Hòa hợp cùng diệt tận,  
Hòa hợp dứt khổ đau.  
Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

